TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2018/QĐ-PT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đắc Minh.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý.

Ông Phạm Trí Tuấn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 24/2017/QĐST-HC ngày 27 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 của Luật Tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc "Khiếu kiện Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 3005/QĐ-UB ngày 09/11/2004, Quyết định số 1035/QĐ.UB ngày 20/6/2005, Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 12/6/2007, Quyết định 433/QĐ-UBND ngày 08/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ" giữa:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1936.

Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: phường M, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: Trung tâm hành chính, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Kiều C

Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/. Bà Kiều Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/. Ông (bà) Kiều T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4/. Bà Kiều Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5/. Bà Kiều Thị L1

Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại đơn kháng cáo ngày 03/10/2017, ông Phan D (người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L) kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ sơ thẩm với lý do việc khởi kiện của bà Phạm Thị L là còn trong thời hiệu khởi kiện. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định đình chỉ sơ thẩm, tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Ngày 22/6/2017, bà Phạm Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định: Quyết định số Quyết định số 3005/QĐ-UB ngày 09/11/2004 của Chủ tịch UBND huyện Đ, Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/7/2017, bà Phạm Thị L bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1035/QĐ.UB ngày 20/6/2005 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 433/QĐ-KPHQ ngày 08/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của người khởi kiện như sau:

Sau khi ông Kiều T3 và bà Phạm Thị L có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3005/QĐ-UB ngày 09/11/2004 bác yêu cầu của ông T3, bà L. Ông T3, bà L có đơn khiếu nại thì được giải quyết bằng Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Chủ tịch UBND huyện Đ (giải quyết khiếu nại lần đầu); Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giải quyết khiếu nại lần hai).

Năm 2008, ông T3, bà L khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên. Thời điểm này, Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 2006 đang có hiệu lực thi hành để trả lại đơn khởi kiện của ông T3, bà L với lý do đã được giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định pháp luật.

Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện là "*01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính...*", "*01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai"*. Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 và Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định số 3005/QĐ-UB, số 1022/QĐ-UBND và số 1080/QĐ-UBND là 01 năm kể từ ngày 01/3/2015 (ngày Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP có hiệu lực thi hành) là đúng quy định pháp luật.

Đến ngày 22/6/2017, bà Phạm Thị L mới có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên là đã quá thời hiệu pháp luật quy định.

Tương tự, đối với Quyết định số 1035/QĐ.UB ngày 20/6/2005 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 433/QĐ-KPHQ ngày 08/3/2012 của Chủ tịch

UBND huyện Đ, thời hiệu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với các quyết định nêu trên là đã hết theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L do thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Phan D (người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L) là không có căn cứ chấp nhận.

Vì kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 243 Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan D (người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L). Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 24/2017/QĐST-HC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bà Phạm Thị L đã nộp (ông Phan D nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003514 ngày 13/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (5)
- Lưu (VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP,18.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đắc Minh